

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Đường từ cầu Hai Lai đến giáp Lộc Hòa, xã Phú Quới, huyện Long Hồ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14; Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Long Hồ tại Tờ trình số 61/TTr-BQLDA, ngày 13/4/2021 và Thông báo kết quả thẩm định số 425/SGTVT-QLKCCL ngày 12/4/2021 của Sở Giao thông Vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Đường từ cầu Hai Lai đến giáp Lộc Hòa, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Đường từ cầu Hai Lai đến giáp Lộc Hòa, xã Phú Quới, huyện Long Hồ.

2. Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình Đường từ cầu Hai Lai đến giáp Lộc Hòa, xã Phú Quới, huyện Long Hồ.

3. Loại, cấp công trình: Công trình đường giao thông cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

5. Tổ chức khảo sát xây dựng và lập thiết kế xây dựng: Công ty TNHH MTV xây dựng Khang Vy.

6. Tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng: Trung tâm Thẩm định - Kiểm định công trình giao thông vận tải thuộc Sở Giao thông Vận tải Vĩnh Long.

7. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình

7.1. Phần đường

- Tổng chiều dài tuyến 2.730,73 m;
- Cấp đường thiết kế: Đường giao thông nông thôn cấp A (Theo TCVN 10380:2014); Tải trọng trục thiết kế 5,0 tấn; Số làn xe thiết kế 1 làn xe; Tốc độ tính toán 30 Km/h; Cao độ tim đường thiết kế +2,50 m (Hệ cao độ - Hệ tọa độ VN2000) tại đoạn từ Km 0+00 đến Km 02+ 846,61; Đoạn từ Km 02+ 846,61 đến Km 02+860 vượt nổi từ cao trình thiết kế +2,50 m xuống +2,00 m.
- Mặt cắt ngang đường: Bề rộng mặt đường 3,50 m; bề rộng lề đường 3,0 m; bề rộng nền đường 6,50 m; Dốc ngang mặt đường 3,0%; Dốc ngang lề đường 5,0% (mái taluy 1/1,5).
- Kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau:
 - + Mặt đường láng nhựa 2 lớp dày 3,0cm;
 - + Lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 12 cm ($K_{x_{Eyc}} = 96,46$ MPa);
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm ($K \geq 0,98$);
 - + Lớp móng cát lớp trên dày 30 cm ($K \geq 0,98$), $E_o \geq 40$ Mpa;
 - + Lớp móng cát lớp trên dày 30 cm ($K \geq 0,95$);
 - + Lớp móng cát lớp dưới dày 110 cm ($K \geq 0,95$);
- Lề đường: Đầm chặt $K \geq 0,90$; Xếp đá vĩa (15x25) cm tiếp giáp giữa lề đường được gia cố và lề đường đất.
- Gia cố taluy đường
 - + Gia cố chân taluy đường bằng cừ tràm: Đóng cừ tràm có chiều dài $L = (3,8 \div 4)$ m, đường kính ngọn $\varnothing = (3,5 \div 4)$ cm, đóng 10cây/m; cừ tràm có chiều dài $L = (3,8 \div 4)$ m, đường kính ngọn $\varnothing = (3,5 \div 4)$ cm, gấn 02 bên; Thép $\varnothing = 6$ mm neo cừ tràm có chiều dài $L = 1$ m cách khoảng 1m/ sợi; Bạt nhựa nilông khổ 1,5 m chắn đất.
 - + Gia cố chân taluy đường bằng cừ dừa kết hợp cừ tràm: Đóng cừ dừa có chiều dài 6m cách khoảng 2m/cọc; Cừ dừa gấn 2 lớp; Thép $\varnothing = 6$ mm neo cừ dừa có chiều dài 2,5 m cách khoảng 3m/ sợi, neo 2 lớp; Đóng cừ tràm có chiều dài $(3,8 \div 4)$ m, đường kính ngọn $\varnothing = (3,5 \div 4)$ cm, đóng 10cây/m.
- Tường chắn xây gạch ống có chiều dài $L = 13$ m (13 đoạn).
- + Phần cột tường chắn: Đóng cừ tràm có chiều dài $L = 2,6-2,7$ m, đường kính ngọn $\varnothing (3,5 \div 4)$ cm, đóng 20 cây/m²; Cát đệm đầu cừ dày 10 cm; Bê tông lót đá 4x6 M150, dày 10cm; Bê tông cốt thép móng đá 1x2 M200; Bê tông cốt thép thân cột, đà kiềng, giằng đá 1x2 M200.
- + Phần tường chắn xây gạch: Xây gạch ống 8x8x18 cm, dày 18 cm, cao 100 cm; Trát vữa xi măng M75 dày 1,5 cm.

- Phân gia cổ taluy đường có chiều dài $L = 21$ m (tổng cộng 2 nhịp) bằng cọc BTCT tiết diện (25×25) cm có chiều dài 8 m, cách khoảng 1,4m/cọc; Đóng cọc neo BTCT tiết diện (25×25) cm có chiều dài $L = 8$ m cách khoảng 7m/cọc; Đà giằng BTCT đá 1x2 M250 kích thước (25×30) cm có chiều dài $L = 21$ m (tổng cộng 2 nhịp); Đà neo BTCT đá 1x2 M250 kích thước (25×30) cm có chiều dài $L = 2,5$ m; Tấm đan BTCT M250 $(140 \times 250 \times 12)$ cm, chấn đất.

7.2. Phần công ngang đường: Lắp mới 14 bọng thoát nước ngang đường, kết cấu cống BTCT M250, đường kính $\varnothing 600$ và đường kính $\varnothing 1000$, chiều dài cống từ $(16 \div 20)$ m; Lắp đặt bọng vào vị trí; đóng cừ tràm có chiều dài $L = (3,8 \div 4)$ m, đường kính ngọn $(3,5 \div 4)$ cm, đóng 10cây/m; cừ dừa có chiều dài $L = 6$ m, đường kính $\varnothing \geq 20$ cm, đóng cách khoảng 2m/cây, cừ dừa có chiều dài $L = 6$ m gần hai lớp, đường kính $\varnothing \geq 20$ cm; Thép neo $\varnothing 6$, cách khoảng 2m/sợi, neo 2 lớp.

7.3. Phần cầu

7.3.1 Phần cầu chính

- Cầu bằng cốt thép vĩnh cửu; Tải trọng thiết kế 8T; Sơ đồ nhịp thiết kế là 3 nhịp $(9+9+9)$ m, sử dụng dầm BTCT DUL đúc sẵn; Cao độ đáy dầm 3,6 m; Khoảng ngang cầu 4,4m; Dầm dọc bằng BTCT DUL I.400 có chiều dài $L = 9$ m, mỗi nhịp 6 dầm; Dầm ngang bằng BTCT đá 1x2 M300; Bản mặt cầu bằng BTCT đá 1x2 M300 dày 12cm; Lớp tạo dốc và bảo mòn bằng BT đá 1x2 M300 dày $(1 - 5)$ cm; Gờ lan can bằng BTCT đá 1x2 M300; Lan can bằng BTCT đá 1x2 M250; Khe co giãn loại ray thép; Gối cầu, đá kê gối BTCT đá 1x2 M300; Thoát nước mặt cầu bố trí các ống thoát nước bằng thép mạ kẽm đường kính $\varnothing 60$ dày 2,3 mm, chiều dài 50 cm khoảng cách 3m/ống, cách đầu dầm 1,5 m.

- Mố cầu bằng BTCT đá 1x2 M300. Mố cầu đặt trên móng mố gồm 6 cọc BTCT có tiết diện (30×30) cm, đóng thành 2 hàng (1 hàng thẳng, 1 hàng xiên). Cọc dự kiến có chiều dài 35,4 m gồm 03 đoạn cọc, mỗi đoạn cọc 11,8 m.

- Trụ cầu bằng BTCT đá 1x2 M300. Trụ đặt trên hệ thống móng gồm 8 cọc BTCT đá 1x2 M300 tiết diện (30×30) cm, đóng thành 2 hàng, đóng xiên 1/10. Cọc có chiều dài dự kiến 35,4 m gồm 03 đoạn cọc 11,8m.

7.3.2 Đường đầu cầu

- Chiều dài đường đầu cầu: Mố A dài 47 m. Mố B dài 31,1 m;

- Chiều rộng đường đầu cầu

+ Từ DT (mặt 3,5 m + lề $2 \times 1,5$ m = 6,5 m) đến A1 (mặt 4 m + lề $2 \times 1,25$ m = 6,5 m) đến MA (mặt 4 m + lề $2 \times 1,25$ m = 6,5 m);

+ Từ MB (mặt 4 m + lề $2 \times 1,25$ m = 6,5 m) đến B2 (mặt 4 m + lề $2 \times 1,25$ m = 6,5 m) đến CT (mặt 3,5 m + lề $2 \times 1,5$ m = 6,5 m); Độ dốc dọc lớn nhất của hai đường đầu cầu $i = 5\%$; Độ dốc ngang mặt đường 3% ; Độ dốc ngang lề đường 5% ; Taluy nền đường đắp 1:1.5. Kết cấu mặt đường từ trên xuống:

+ Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3kg/m^2 .

- + Lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm ($K_{xEyc} = 96,46$ Mpa).
- + Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15 cm $K \geq 0,98$.
- + Lớp cát dày 30m $K \geq 0,98$, $E \geq 40$ MPa.
- + Lớp cát dày 30m $K \geq 0,95$.
- + Lớp cát dày trung bình từ 90 cm đến 212 cm $K \geq 0,90$.
- Tường chắn đường hai đầu cầu: Sau mố xây tường chắn đá 1x2 M250 dài 11,8 m, đóng cọc bằng BTCT tiết diện (25x25) cm có chiều dài 8 m, đập đầu cọc 30 cm liên kết bộ móng tường chắn, bê tông lót đá 4x6 M150 dày 10 cm.
- Đường dân sinh: Bên trái mố A dài 23,8 m có bề rộng mặt đường 3,5 m; bề rộng lề đường 3,0 m, bề rộng nền đường 6,5 m; Bên phải mố A dài 7,72m có bề rộng mặt đường 2,5 m, bề rộng lề đường 3,0 m, bề rộng nền đường 3,5 m; Bên trái mố B dài 14,3m; Bên phải mố B dài 9,1m có bề rộng mặt đường 2 m, bề rộng lề đường 3 m. Kết cấu đường dân sinh từ trên xuống:
 - + Láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3kg/m^2 .
 - + Lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm ($K_{xEyc} = 96,46$ Mpa).
 - + Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15 cm $K \geq 0,98$.
 - + Lớp cát dày 30m $K \geq 0,98$, $E \geq 40$ MPa.
 - + Lớp cát dày 30m $K \geq 0,95$.
 - + Lớp cát dày trung bình từ 90 cm đến 212 cm $K \geq 0,90$.
- Tường chắn đường hai đầu cầu: Sau mố xây tường chắn đá 1x2 M250 dài 11,8 m, đóng cọc tiết diện (25x25) cm dài 8 m, đập đầu cọc 30 cm liên kết bộ móng tường chắn, bê tông lót đá 4x6 M150 dày 10 cm.

7.4. An toàn giao thông: Lắp dựng cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ vạch theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN 39:2020/BGTVT.

8. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **18.297.312.052** đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 12.047.851.368 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 247.335.817 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 947.846.460 đồng;
- Chi phí khác: 182.977.833 đồng;
- Chi phí GPMB, hỗ trợ, TĐC (tạm tính): 4.000.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 871.300.574 đồng.

(Nội dung Thiết kế và dự toán chi tiết như hồ sơ kèm theo đã được thẩm định của cơ quan chức năng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Long Hồ (Chủ đầu tư) triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long, Chủ tịch UBND huyện Long Hồ, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Long Hồ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 5.04.05.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH